

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 12/8/2022, Vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCoM với mã CEN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên
Ông Lê Văn Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Nguyễn Thị Xuân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Ngô Thượng Hưng	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Bình	Giám đốc
-----------------	----------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Trần Mạnh Sơn
Chủ tịch HĐQT

Lào Cai, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số. 202/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.7 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã nhận chuyển nhượng Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng từ ngày 16/09/2021 với giá trị 68,38 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai để sang tên cho Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam do chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa vào khai thác, vận hành. Bằng các tài liệu thu thập được, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Ô tô Điện Cencon (nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần ô tô Trường Thành) số tiền 50,4 tỷ đồng, với các tài liệu thu thập được, chúng tôi không thể đánh giá tính hiện hữu và giá trị dự phòng của khoản đầu tư này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty.

Các giao dịch bán vàng kim hoàn của Công ty là giao dịch bằng tiền mặt, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý và phù hợp của giao dịch này và ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

. 01
ĐNG
NH
MT
VIE
A N

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam. Do đó chúng tôi không đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo soát xét số 427/BCKT-TC ngày 14/08/2023 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần, có nêu vấn đề cần nhấn mạnh về việc chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng Dự án Khách sạn.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

018
TY
H
DÁ
IN
01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30/6/2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		99.805.316.918	100.168.315.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.946.062.089	7.033.740.350
1. Tiền	111		6.946.062.089	7.033.740.350
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.191.178.520	4.401.644.814
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.892.885.070	2.344.240.024
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	9.298.293.450	2.056.002.290
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	-	1.402.500
IV. Hàng tồn kho	140		80.278.262.239	88.356.625.159
1. Hàng tồn kho	141	5.5	80.278.262.239	88.356.625.159
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		389.814.070	376.304.874
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		389.814.070	376.304.874
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		120.643.478.894	121.131.532.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.861.978.894	2.350.032.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.861.978.894	2.350.032.585
- Nguyên giá	222		3.222.039.273	3.869.166.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.360.060.379)	(1.519.133.961)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.381.500.000	68.381.500.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	68.381.500.000	68.381.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.400.000.000	50.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.8	50.400.000.000	50.400.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		220.448.795.812	221.299.847.782

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30/6/2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.689.479.558	2.635.659.832
I. Nợ ngắn hạn	310		1.689.479.558	2.635.659.832
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.304.638.704	2.506.926.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	242.700.830	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	120.562.505	51.235.446
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	21.577.519	77.498.171
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		218.759.316.254	218.664.187.950
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	218.759.316.254	218.664.187.950
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		217.124.400.000	217.124.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		217.124.400.000	217.124.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.769.180.000)	(1.769.180.000)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.404.096.254	3.308.967.950
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		3.308.967.950	3.200.620.896
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		95.128.304	108.347.054
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		220.448.795.812	221.299.847.782

Lào Cai, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT






Phạm Thị Ninh Chi

Phạm Trung Hải

Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	39.580.469.940	41.830.095.476
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		39.580.469.940	41.830.095.476
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.653.117.984	40.068.740.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.927.351.956	1.761.355.084
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.141.207	33.819.838
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	1.095.358.678	829.558.477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	1.288.202.255	899.986.058
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		544.932.230	65.630.387
11. Thu nhập khác	31	6.5	32.577.990	6.740
12. Chi phí khác	32	6.5	367.059.717	278.210
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(334.481.727)	(271.470)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		210.450.503	65.358.917
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	115.322.199	14.927.425
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		95.128.304	50.431.492
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	4,38	2,32

Người lập

Phạm Thị Ninh Chi

Kế toán trưởng

Phạm Trung Hải

Lào Cai, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/06/2024 VND	kết thúc ngày 30/06/2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		210.450.503	65.358.917
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		281.931.681	179.753.274
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(33.819.838)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		492.382.184	211.292.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.803.042.902)	(24.291.825.025)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.078.362.920	15.897.620.764
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		830.858.075	639.496.445
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			44.081.844
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.143.939)	(111.207.927)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.914.935.806)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(351.519.468)	(7.610.541.546)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		262.700.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.141.207	33.819.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		263.841.207	33.819.838
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(87.678.261)	(7.576.721.708)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	7.033.740.350	13.838.870.753
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.946.062.089	6.262.149.045

Lào Cai, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Thị Ninh Chi

Phạm Trung Hải

Trần Mạnh Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 12/8/2022, vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCoM với mã CEN.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là: 10 người (tại ngày 31/12/2023 là: 19 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.
- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Dịch vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
Chi tiết: Đại lý.
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Điều hành tua du lịch;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
Chi tiết: Không bao gồm các sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người và dược phẩm).
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
Chi tiết: Mua bán vàng trang sức mỹ nghệ.
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan;
Chi tiết: Sản xuất đá quý và bán đá quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán đá quý tái phục hồi và nhân tạo, làm kim cương.

1019
3 TY
IH
DÁN
TNA
01-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
Chi tiết: Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ vàng bạc, đá quý và đá bán quý trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động mua, bán vàng miếng).
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Sản xuất đồ trang sức bằng vàng, bạc, kim loại quý khác và đá quý, đá bán quý, đá phong thủy.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Sản xuất kim loại quý và kim loại màu;
Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản.
- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
Chi tiết: Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp.
- Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch...);
- Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;
- Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...);
- Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Trồng cây hàng năm khác;
Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
Chi tiết: Khách sạn.
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự;
- Cơ sở lưu trú khác;
Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên.
- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùm để nghỉ tạm;
- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ ăn uống khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo);
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Kinh doanh thực phẩm đông lạnh, hàng kim hoàn...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

Các nội dung ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty có hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn (kinh doanh vàng, đá quý). Hầu hết doanh thu kinh doanh vàng của Công ty đều là doanh thu bằng tiền mặt, tổng giá trị doanh thu bằng tiền mặt trong kỳ là 188.555.000 VND (chiếm 0,5% doanh thu của Công ty).

2. KỲ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao, Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ sau khi có Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông báo ủy quyền chia cổ tức cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

D.N
C
T
KIẾ
PA
07

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ, hàng hóa trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hàng hóa đông lạnh và hàng kim hoàn... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.468.971.157	238.080.890
Tiền gửi ngân hàng	5.477.090.932	6.795.659.460
Tổng	6.946.062.089	7.033.740.350

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	2.892.885.070	2.344.240.024
Công ty TNHH Cung cấp Thực phẩm An Phát	350.404.810	1.093.291.860
Công ty TNHH SM Foods Vina	61.246.700	300.000.000
Công ty TNHH thực phẩm Kiên Hương	482.515.500	197.210.000
Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam - Korea	350.296.200	-
Công ty TNHH Laguna Beach	345.227.350	-
Các khách hàng khác	1.303.194.510	753.738.164
Tổng	2.892.885.070	2.344.240.024

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	9.298.293.450	2.056.002.290
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	1.036.751.000	1.281.002.290
Công ty TNHH Ban Mai	115.000.000	715.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm Angiafood	5.242.914.362	-
Công ty Cổ phần thực phẩm quốc tế Vimex Việt Nam	1.367.499.850	-
Công ty TNHH Thực phẩm Nguyên Phát Đạt	876.127.178	-
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thực phẩm chất lượng	600.000.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	60.001.060	60.000.000
Tổng	9.298.293.450	2.056.002.290

5.4 Phải thu khác

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	1.402.500	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.300.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	102.000	-
Tổng	-	-	1.402.500	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	80.278.262.239	-	88.356.625.159	-
Hàng đông lạnh	22.779.041.271	-	30.743.702.286	-
Hàng kim hoàn	57.403.889.607	-	57.587.279.880	-
Hàng hóa khác	95.331.361	-	25.642.993	-
Tổng	80.278.262.239	-	88.356.625.159	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAMLô 45 - 50B, đường Thùy Hoa, phường Duyên Hải,
thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	3.821.021.091	48.145.455	3.869.166.546
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	(647.127.273)	-	(647.127.273)
Thanh lý, nhượng bán	(647.127.273)	-	(647.127.273)
Số dư tại 30/06/2024	<u>3.173.893.818</u>	<u>48.145.455</u>	<u>3.222.039.273</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	1.483.671.979	35.461.982	1.519.133.961
Tăng trong kỳ	273.907.437	8.024.244	281.931.681
Khấu hao trong kỳ	273.907.437	8.024.244	281.931.681
Giảm trong kỳ	(441.005.263)	-	(441.005.263)
Thanh lý, nhượng bán	(441.005.263)	-	(441.005.263)
Số dư tại 30/06/2024	<u>1.316.574.153</u>	<u>43.486.226</u>	<u>1.360.060.379</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2024	2.337.349.112	12.683.473	2.350.032.585
Số dư tại 30/06/2024	<u>1.857.319.665</u>	<u>4.659.229</u>	<u>1.861.978.894</u>

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí mua sắm tài sản dở dang	68.381.500.000	68.381.500.000
Dự án khách sạn nhà hàng Lan Huy Hoàng (*)	68.381.500.000	68.381.500.000
Tổng	<u>68.381.500.000</u>	<u>68.381.500.000</u>

(*) Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng tại phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có diện tích 10.232 m² với quy mô: Nhà khách sạn 7 tầng, nhà điều hành, sân tennis, bể bơi, sân vườn bê tông... nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai theo hợp đồng chuyển nhượng Dự án số 1609/2021/CNTS-CENCON ngày 16/9/2021. Giá chuyển nhượng đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 170/2021/CEN/NQ-HĐQT ngày 16/9/2021.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng Dự án giữa Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam và được văn phòng công chứng Lê Thu Hằng tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 12/7/2023 và hoàn thành các thủ tục thanh toán tiền chuyển nhượng. Hiện tại, hồ sơ nhận chuyển nhượng đã nộp tới Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi từ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai do Công trình chưa đủ điều kiện để xem xét chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng theo quy định. Hiện tại, Công ty đang phối hợp cùng Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai hoàn thiện các thủ tục để nhận chuyển nhượng Dự án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/06/2024			01/01/2024		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết Công ty CP Ô tô Trường Thanh	48,00%	48,00%	50.400.000.000	(*)	-	50.400.000.000	(*)	-
Tổng			50.400.000.000		-	50.400.000.000		-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết về đơn vị nhận vốn góp đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
Công ty CP Ô tô Trường Thanh	Thôn Nam Giang, xã Thanh Thủy, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Theo Báo cáo tài chính mới nhất thu thập được cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, tổng vốn góp của Chủ sở hữu tại Công ty CP Ô tô Trường Thanh là 105 tỷ đồng, trong năm 2023, Công ty chưa có những hoạt động cụ thể để sử dụng và mang lại thu nhập từ số vốn đã góp.

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.304.638.704	1.304.638.704	2.506.926.215	2.506.926.215
Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn	194.400.000	194.400.000	190.800.000	190.800.000
Công ty TNHH Thực phẩm Angiafood	-	-	845.381.660	845.381.660
Chi nhánh Công ty CP Đại Tân Việt tại Hà Nội	-	-	1.322.286.400	1.322.286.400
CN Công ty Cổ phần Đại Tân Việt tại Hà Nội	609.457.100	609.457.100	-	-
Công ty CP Thực phẩm Thiên Vương	222.537.800	222.537.800	133.038.870	133.038.870
Các đối tượng khác	278.243.804	278.243.804	15.419.285	15.419.285
Tổng	1.304.638.704	1.304.638.704	2.506.926.215	2.506.926.215

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Người mua trả tiền trước

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	242.700.830	-
Công ty TNHH One Meat	146.267.340	-
Công ty TNHH Tasty 9	49.631.930	-
Các khách hàng khác	46.801.560	-
Tổng	242.700.830	-

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
Phải nộp	51.235.446	192.232.024	122.904.965	120.562.505
Thuế giá trị gia tăng	791.507	37.737.207	38.481.983	46.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.143.939	115.322.199	35.143.939	115.322.199
Thuế thu nhập cá nhân	15.300.000	35.273.575	45.380.000	5.193.575
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.899.043	3.899.043	-

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	21.577.519	77.498.171
Phải trả chi phí gửi thư hợp đại hội cổ đông	21.577.519	-
Chi phí phải trả khác	-	77.498.171
Tổng	21.577.519	77.498.171

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2023	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.200.620.896	218.555.840.896
Tăng trong năm	-	-	108.347.054	108.347.054
Lãi trong năm trước	-	-	108.347.054	108.347.054
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.308.967.950	218.664.187.950
Tại ngày 01/01/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.308.967.950	218.664.187.950
Tăng trong kỳ	-	-	95.128.304	95.128.304
Lãi trong năm nay	-	-	95.128.304	95.128.304
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.404.096.254	218.759.316.254

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Vốn đã ghi nhận	
				30/06/2024	01/01/2024
Cổ đông	SL	VND	%	VND	VND
Vốn góp của các Cổ đông	21.712.440	217.124.400.000	100%	217.124.400.000	217.124.400.000
Tổng	21.712.440	217.124.400.000	100%	217.124.400.000	217.124.400.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	217.124.400.000	217.124.400.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	217.124.400.000	217.124.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.712.440	21.712.440
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.712.440	21.712.440
+ Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.712.440	21.712.440
Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng kim hoàn	188.555.000	3.745.869.622
Doanh thu bán hàng hóa thực phẩm	39.391.914.940	38.084.225.854
Tổng	39.580.469.940	41.830.095.476

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn bán hàng kim hoàn	183.390.273	3.758.614.745
Giá vốn bán hàng hóa thực phẩm	36.469.727.711	36.310.125.647
Tổng	36.653.117.984	40.068.740.392

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.141.207	33.819.838
Tổng	1.141.207	33.819.838

6.4 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí bán hàng	1.095.358.678	829.558.477
Chi phí nhân công bán hàng	654.841.462	546.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.600.494	282.808.477
Chi phí bằng tiền khác	215.916.722	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.288.202.255	899.986.058
Chi phí nhân viên quản lý	922.792.143	610.739.058
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	3.696.640	44.081.844
Chi phí khấu hao TSCĐ	281.931.681	179.753.274
Thuế, phí, lệ phí	5.374.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.900.326	34.260.000
Chi phí bằng tiền khác	11.507.465	28.151.882
Tổng	2.383.560.933	1.729.544.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.5 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu lãi thanh lý tài sản	32.577.990	-
Thu nhập khác	-	6.740
Tổng	32.577.990	6.740
Chi phí khác		
Xuất hàng hủy	366.160.492	-
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	899.225	257.528
Chi phí khác	-	20.682
Tổng	367.059.717	278.210
Lợi nhuận khác	(334.481.727)	(271.470)

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	210.450.503	65.358.917
Điều chỉnh tăng	366.160.492	9.278.210
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	278.210
<i>Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách</i>	-	9.000.000
<i>Xử lý hàng hủy</i>	366.160.492	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	576.610.995	74.637.127
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	115.322.199	14.927.425

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	95.128.304	50.431.492
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	95.128.304	50.431.492
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	21.712.440	21.712.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4,38	2,32

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
 thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.696.640	44.081.844
Chi phí nhân công	1.577.633.605	1.157.489.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	281.931.681	179.753.274
Thuế, phí lệ phí	5.374.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.500.820	317.068.477
Chi phí bằng tiền khác	227.424.187	28.151.882
Tổng	2.383.560.933	1.729.544.535

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan

Ông Trần Mạnh Sơn
 Ông Lê Văn Bình
 Ông Nguyễn Hữu Thường
 Bà Vũ Thị Hải Yến
 Bà Trần Thị Hà
 Bà Nguyễn Thị Xuân
 Ông Vũ Minh Chính
 Ông Ngô Thượng Hưng
 Bà Nguyễn Thị Dung
 Công ty CP Ô tô Trường Thanh
 Và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình
 của các bên liên quan.

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
 Thành viên HĐQT
 Trưởng Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
 Thành viên Ban Kiểm soát
 (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
 Thành viên Ban Kiểm soát
 (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
 Thành viên Ban Kiểm soát
 (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
 Thành viên Ban Kiểm soát
 (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
 Công ty liên kết
 Ảnh hưởng đáng kể



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các Bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	-	6.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT, người CBTT	6.000.000	6.000.000
Tổng		6.000.000	12.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Bà Trần Thị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	-
Bà Nguyễn Thị Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	-
Ông Vũ Minh Chính	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm 26/6/2023)	-	3.000.000
Tổng		-	3.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	118.510.000	82.980.000
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	116.410.000	-
Tổng		234.920.000	82.980.000

N: 01
ÔNG
T'NH
M T
VIET
i NỘ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty phân chia hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh hàng thực phẩm đông lạnh, và hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn để lập báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.745.869.622	38.084.225.854	41.830.095.476
Chi phí bộ phận	3.758.614.745	36.310.125.647	40.068.740.392
Kết quả kinh doanh bộ phận	(12.745.123)	1.774.100.207	1.761.355.084
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			1.729.544.535
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			31.810.549
Doanh thu hoạt động tài chính			33.819.838
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			6.740
Chi phí khác			278.210
Thuế TNDN hiện hành			14.927.425
Lợi nhuận sau thuế			50.431.492

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	188.555.000	39.391.914.940	39.580.469.940
Chi phí bộ phận	183.390.273	36.469.727.711	36.653.117.984
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.164.727	2.922.187.229	2.927.351.956
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			2.383.560.933
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			543.791.023
Doanh thu hoạt động tài chính			1.141.207
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			32.577.990
Chi phí khác			367.059.717
Thuế TNDN hiện hành			115.322.199
Lợi nhuận sau thuế			95.128.304

